

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2024/DS-ST
Ngày: 10- 5- 2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Thạch và ông Phan Văn Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy tham gia phiên tòa: Bà Lê Phan Lộc Nhung, Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 56/2023/TLST- DS, ngày 20 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST- DS ngày 19/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2024/QĐST- DS ngày 17/4/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A ; địa chỉ: 442 N , phường 5, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Từ Tiến P- Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đình L – Phó Giám đốc phòng quản lý nợ; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A- 446 C, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh;

Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh N, Nhân viên xử lý nợ; địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà ACB, 444A- 446 C, phường 11, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 07/8/2023) vắng mặt.

Người được ủy quyền lại: Ông Dương Đức T, Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số 257, T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; bà Nguyễn Ngọc T, Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: Số 188, T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (văn bản ủy quyền ngày 18/01/2024) ông T có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Nhật N, sinh năm 1994, địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/8/2023, bản tự khai ngày 25/01/2024 và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng TMCPA ông Dương Đức T trình bày:

Ngày 10/12/2020, anh Trương Nhật N đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 7920346004840 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP Á Châu. Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng số thẻ 9704*****3852; loại thẻ ACB- Express; hạn mức thẻ: 25.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: Tháng 12/2022; lãi suất (trong hạn, quá hạn) phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trương Nhật N sử dụng thẻ tín dụng hết số tiền trong thẻ nhưng không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của anh Trương Nhật N. Ngày 25/7/2023, Ngân hàng TMCP A ban hành Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với anh Trương Nhật N. Do anh N vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP A đề nghị Tòa án buộc bị đơn anh Trương Nhật N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày 25/7/2023. Tổng cộng: 34.205.363 đồng; trong đó: Tiền gốc 27.270.565 đồng; lãi quá hạn: 6.934.798 đồng

Ngoài ra, anh N còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 26/7/2023 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Thanh toán ngay khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, Ngân hàng TMCP A nộp bảng kê yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Trương Nhật N trả nợ số tiền 41.237.166 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc: Gốc: 27.270. 571 đồng; lãi quá hạn: 13.966.595 đồng tính đến ngày xét xử 10/5/2024. Kể từ ngày 10/5/2024 cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận giữa hai bên về việc chấm dứt sử dụng thẻ.

Đối với bị đơn anh Trương Nhật N:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy đã thông báo thụ lý vụ án gửi cho bị đơn kèm giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đến các đương sự nhưng anh Nam đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa đến bị đơn hợp lệ nhưng anh N vẫn vắng mặt.

Theo xác nhận của Công an xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình: Anh Trương Nhật N, sinh năm 1994; nơi đăng ký HKTT tại xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Hiện nay, anh Trương Nhật N không có mặt tại địa phương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy phát biểu quan điểm:

Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng, do một bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phát sinh tranh chấp, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy

Về người tham gia tố tụng: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, lấy lời khai của đương sự, việc cấp tổng đạt các giấy tờ cho Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy

đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về hướng giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh Trương Nhật N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP A với tổng số tiền 41.237.166 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc: Gốc: 27.270. 571 đồng; lãi quá hạn: 13.966.595 đồng tính đến ngày xét xử 10/5/2024 và số tiền lãi phát sinh sau ngày xét xử theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký.

Về án phí: Đề nghị tuyên xử bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về việc vắng mặt của bị đơn: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy đã tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng anh Trương Nhật N đều vắng mặt, do đó vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 17/4/2024 và không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa. Bị đơn Trương Nhật N đã được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là tranh chấp Hợp đồng tín dụng thuộc tranh chấp Giao dịch dân sự, hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; Xét tại thời điểm giao kết hợp đồng tín dụng, anh Trương Nhật N có địa chỉ nơi cư trú tại Thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ được thể hiện tại hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn. Như vậy, địa chỉ thôn X, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình, được xác định là nơi cư trú cuối cùng của anh Trương Nhật N. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cố tình giấu địa chỉ không báo cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về cư trú, làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện như quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Lê Thủy có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3]. Về thời hiệu khởi kiện:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Ngày 10/12/2020, anh Trương Nhật N đã ký Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng số 7920346004840 và Bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP A. Ngân hàng TMCP A đã cấp thẻ tín dụng số 9704*****3852, ngày cấp 11/12/2020, loại thẻ ACB- Express; hạn mức thẻ: 25.000.000 đồng; hiệu lực thẻ: Tháng 12/2022; lãi suất (trong hạn, quá hạn) phí: Theo bản các điều khoản và điều kiện sử dụng thẻ tín dụng của ACB là một phần không tách rời của Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, anh Trương Nhật N không thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP A nên ngân hàng đã chuyển khoản nợ thẻ tín dụng sang nợ quá hạn, đồng thời quyết định chấm dứt việc sử dụng thẻ và thu hồi toàn bộ nợ thẻ chưa thanh toán của anh N. Ngày 25/7/2023, Ngân hàng TMCP A ban hành Thông báo chuyển nợ quá hạn và chấm dứt sử dụng thẻ đối với anh Trương Nhật N.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A về việc buộc anh Trương Nhật N phải có trách nhiệm thanh toán số tiền nợ lãi của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và Bản các Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng) tạm tính đến ngày 10/5/2024 với số tiền là 41.237.166 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 27.270.571 đồng; lãi quá hạn: 13.966.595 đồng (tính đến ngày xét xử 10/5/2024) và tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết:

Xét, đây là tranh chấp giữa cá nhân với tổ chức tín dụng nên Tòa án áp dụng lãi suất do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng để giải quyết. Căn cứ vào sự thỏa thuận của hai bên đương sự được ghi nhận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng; Bản các A thì anh Trương Nhật N còn phải thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ lãi tạm tính đến ngày 10/5/2024 là 41.237.166 đồng. Ngoài ra, anh Trương Nhật N còn phải có trách nhiệm tiếp tục thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 11/5/2024 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất được thỏa thuận tại hợp đồng đã ký kết. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1]. Về thời hạn thanh toán:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định: Anh Trương Nhật N đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của hợp đồng tín dụng và nguyên đơn cũng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình tránh né thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Tại Điều 280 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2017 quy định về thực hiện nghĩa vụ trả tiền như sau: “Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận”. Xét thấy, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở khẳng định, mặc dù đã được nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng bị đơn anh Trương Nhật N vẫn cố tình né tránh thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số nợ còn thiếu ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm bằng 5% số tiền phải trả cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm a khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 203, Điều 220, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 280, Điều 357, Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 13 nghị quyết số 01/2019 NQ- HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc anh Trương Nhật N có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền nợ tạm tính đến ngày 10/5/2024 tổng cộng là 41.237.166 đồng (Bốn mươi một triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn một trăm sáu mươi sáu đồng). Trong đó tiền nợ gốc: 27.270.571 đồng; lãi quá hạn: 13.966.595 đồng.

Kể tiếp sau ngày xét xử sơ thẩm (10/5/2024) cho đến khi anh Trương Nhật N trả hết nợ gốc và lãi, hàng tháng anh Trương Nhật N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất đã được thỏa thuận tại Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP A, với anh Trương Nhật N ngày 10/12/2020.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Nhật N phải chịu 2.063.850 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ nhà nước. Trả lại cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh Quảng Bình (ông Dương Đức T nộp) số tiền 855.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004729, ngày 20/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

3. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (10/5/2024). Đối với bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Lệ Thủy;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THA huyện Lệ Thủy;
- Lưu HS; Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

